

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 15-12-2022

“V/v tranh chấp ly hôn và chia
tài sản trong thời kỳ hôn nhân”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Thu.

2. Ông Nguyễn Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An
mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLPT-
HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và chia tài sản
trong thời kỳ hôn nhân”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 236/2022/HNGĐ-ST ngày 17-
8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2022/QĐ-PT ngày 18
tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tố B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số C474 Khu vực 2, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc A, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 21 Tân Hóa, Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số C474 Khu vực 2, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Trường
Chinh – Văn phòng luật sư Trường Chinh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí
Minh.

Địa chỉ: Số 3A69/1 Tỉnh lộ 10, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh,
Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Nhựt C, sinh
năm 1993.

Địa chỉ: Số C474 Khu vực 2, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đắc A.

(Bà B, ông A, bà C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Tố B trình bày: Bà với ông Nguyễn Đắc A chung sống với nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, ông bà không hạnh phúc, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà với ông A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông A có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông A, bà có ý kiến như sau: Bà thống nhất có tài sản chung gồm: 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ); 02 chiếc nhẫn đeo tay 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng); 01 sợi dây chuyền 13 chỉ vàng 18kr; 01 chiếc xe Future Neo biển số 62P1-303.54 mua năm 2015 do bà B đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 cái tivi; 01 cái tủ lạnh; tiền sửa chữa nhà là 170.000.000 đồng.

+ Đối với số vàng trên, hiện ông A đang giữ là 01 chiếc nhẫn đeo tay 05 chỉ vàng 24kr; phần vàng còn lại là 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ), 01 chiếc nhẫn đeo tay 05 chỉ vàng 24kr thì bà đang giữ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, tu sửa nhà cửa, bà đã bán hết để lấy tiền tu sửa nhà cửa, trang trải cuộc sống, trị bệnh, bà đã chi tiêu hết, bà không đồng ý với yêu cầu chia vàng của ông A. Riêng 01 sợi dây chuyền 13 chỉ vàng 18kr, bà bán năm 2022, do tình hình dịch bệnh nên bán để chi tiêu trong gia đình, thời gian đó, ông A về nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh nên ông A không biết việc bà B bán số tiền này.

+ Đối với chiếc xe Vision, biển số 62P1-361.58 là tài sản riêng của con bà tên Nguyễn Thị Nhựt Minh, không liên quan đến tài sản chung của bà với ông A nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia chiếc xe này của ông A.

+ Đối với chiếc xe Future Neo biển số 62P1-303.54 mua năm 2015 do bà B đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, tạm tính giá trị của chiếc xe là 22.500.000 đồng, nhưng ông A là người đang quản lý sử dụng. Khi ly hôn, bà đồng ý chia đôi giá trị tài sản này, bà yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền của $\frac{1}{2}$ chiếc xe là 11.250.000 đồng, để cho ông A được toàn quyền quản lý sử dụng chiếc xe.

+ Đối với 01 cái ti vi và 01 cái tủ lạnh thì bà thống nhất ông A quản lý, sử dụng 01 cái tivi, còn 01 cái tủ lạnh thì bà quản lý, sử dụng, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với tiền sửa chữa nhà là 87.552.000 đồng (theo chứng thư thẩm định giá số 191/20/07/2022/TĐG LA-BDS ngày 20/7/2022 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức), qua hòa giải của Tòa án, bà đồng ý phần sửa chữa nhà trên do bà và ông A tự thỏa thuận, giá là 170.000.000 đồng, bà sẽ trả lại cho ông số tiền 85.000.000 đồng.

+ Đối với yêu cầu của ông A về tiền lời bánh bao và giữ xe từ năm 2015 đến nay là 800.000.000 đồng, ông A yêu cầu bà trả 200.000.000 đồng thì bà hoàn toàn không có. Do cuộc sống khó khăn, dịch bệnh diễn ra nên việc buôn bán bánh bao ế ẩm, giữ xe hàng ngày cũng không được bao nhiêu tiền, mỗi ngày thu nhập khoảng 200.000 đồng. Nguồn thu nhập để chi tiêu chung trong gia đình và đã chi tiêu hết. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu này của ông A.

Ngoài ra, bà có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu chia đôi 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24K, tạm định giá khoảng 27.000.000 đồng, buộc ông A phải giao lại cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc nhẫn là 13.500.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đắc A trình bày: Ông thống nhất với lời trình của bà B về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay ông không còn tình cảm với bà B nên bà B yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông và bà B có tạo lập được các tài sản và ông yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng cụ thể như sau:

+ Đối với 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ); 01 cặp nhẫn đeo tay 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng). Hiện bà B đang giữ tài sản trên, trong đó ông giữ 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24kr. Ông yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng trên. Ông đồng ý giao hiện vật cho bà B giữ.

+ Đối với 01 sợi dây chuyền 13 chỉ vàng 18kr, hiện bà B đang giữ tài sản trên. Nay ông yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị 13 chỉ vàng 18kr. Ông đồng ý giao hiện vật cho bà B giữ.

+ Đối với 01 chiếc xe Future Neo biển số 62P1-303.54, ông bà mua năm 2015 do bà B đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe trị giá khoảng 22.500.000 đồng. Ông yêu cầu được nhận chiếc xe và đồng ý hoàn lại cho bà B số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 11.250.000 đồng (xe đang do ông A quản lý sử dụng).

+ Đối với 01 chiếc xe Vision biển số 62P1-361.58 do con riêng của bà B là bà Nguyễn Thị Nhứt C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Tuy nhiên, đó là tài sản chung của vợ chồng, tạm định giá khoảng 22.500.000 đồng. Ông yêu cầu bà B giao lại cho ông $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 11.250.000 đồng (xe đang do bà C quản lý sử dụng).

+ Đối với phần tiền bỏ ra góp chung với bà B sửa chữa nhà là 185.000.000 đồng, nhưng theo chứng thư Thẩm định giá số 191/20/07/2022/TĐG LA-BDS ngày 20/7/2022 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức

chỉ có 87.552.000 đồng thì ông không đồng ý. Tuy nhiên, qua hòa giải của Tòa, ông đồng ý phần sửa chữa nhà trên do ông và bà B tự thỏa thuận, giá là 170.000.000 đồng, bà B sẽ trả lại cho ông số tiền 85.000.000 đồng.

+ Đối với các huê lợi từ việc bán bánh bao và giữ xe từ năm 2015 đến nay là 800.000.000 đồng thì ông A yêu cầu được nhận $\frac{1}{4}$ huê lợi là 200.000.000 đồng.

+ Ông thống nhất với bà B là ông đang giữ 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 5 chỉ trị giá 27.000.000 đồng. Ông không đồng ý hoàn lại cho bà B $\frac{1}{2}$ giá trị, do ông đã bán chiếc nhẫn này để đóng tạm ứng án phí cho Tòa nhưng khi đem tiền về nhà, ông bị mất số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nhựt C trình bày: Bà là con riêng của bà Bùi Thị Tố B. Xe Vision biển số 62P1-361.58 là tài sản riêng của bà mua sau khi bà đi làm, bà đã đứng tên quyền sở hữu, không liên quan gì đến tài sản chung của bà B và ông A. Nay bà không có ý kiến gì trong vụ án này.

Ông A và bà B thống nhất thỏa thuận giá trị vàng, 1 chỉ vàng 24K có giá trị 5.000.000 đồng, 01 chỉ vàng 18kr có giá trị là 3.500.000 đồng.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 236/2022/HNGĐ-ST ngày 17-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tố B đối với ông Nguyễn Đắc A.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Tố B được ly hôn với ông Nguyễn Đắc A.
2. Về nuôi con chung: Không có.
3. Về tài sản chung:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà B đối với ông A: Ông A có trách nhiệm trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị 05 chỉ vàng 24kr cho bà B, tương đương số tiền 12.500.000 đồng.

3.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đắc A về chia tài sản chung khi ly hôn với bà Bùi Thị Tố B:

- Buộc bà B trả lại cho ông A số tiền sửa chữa nhà là 85.000.000 đồng.
- Buộc bà B trả lại cho ông A $\frac{1}{2}$ giá trị 13 chỉ vàng 18K là 22.750.000 đồng.
- Ông A được quyền sở hữu 01 chiếc xe Future Neo biển số 62P1-303.54, ông A có trách nhiệm trả lại cho bà B số tiền 11.250.000 đồng.

Bà Bùi Thị Tố B và ông Nguyễn Đắc A có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu xe Future Neo biển số 62P1-303.54 theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông A đối với bà B về việc yêu cầu chia 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ); 01 cặp nhẫn đeo tay 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng); chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Vision biển số biển số 62P1-361.58 và tiền công sức đóng góp là 200.000.000 đồng.

3.4. Ông A và bà B tự thỏa thuận về 01 cái tivi và 01 cái tủ lạnh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, sau khi khấu trừ số tiền bà B phải trả cho ông A, thì bà B có trách nhiệm trả cho ông A tổng cộng số tiền là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng chẵn).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về chi phí định giá: Ông A và bà B mỗi người chịu 2.750.000 đồng, ông A đã nộp xong 5.000.000 đồng, bà B nộp xong 500.000 đồng. Buộc bà B phải trả lại cho ông A số tiền 2.250.000 đồng.

6. Về án phí: Ông Đắc Lợi là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Buộc bà Bùi Thị Tố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình và 6.575.000 đồng án phí chia tài sản. Bà B được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009966 ngày 29/3/2022 và 337.500 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006942 ngày 27/6/2022. Bà B phải nộp tiếp là 6.275.000 đồng.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/8/2022, ông Nguyễn Đắc A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, không chấp nhận cho ông ly hôn với bà B; nếu cho ly hôn thì chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông về chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Luật sư Bùi Trường Chinh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Đắc Lợi tranh luận: Đối với phần 1 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ 24kr ông A giữ trong thời gian không sống chung với bà B và ông A bị bệnh nên đã bán điều trị bệnh hết, đề nghị không bắt buộc phải hoàn trả cho bà B $\frac{1}{2}$ giá trị như án sơ thẩm. Đối với 02 chiếc vòng trọng lượng 10 chỉ vàng 24kr và 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24kr bà B thừa nhận đã giữ nhưng cho rằng bán để sửa nhà không được ông A thừa nhận và không có chứng cứ dùng vào việc sửa nhà

nên yêu cầu trả lại cho ông A. Đối với 01 dây chuyền 13 chỉ vàng 18kr bà Quyền giữ cho rằng bán sinh hoạt gia đình nhưng lúc này ông A không còn sống cùng bà B. Đối với chiếc xe do bà Nhựt Minh đứng tên là do ông A, bà B mua nên yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe này.

- Ông Nguyễn Đắc A tranh luận: Yêu cầu trả lại toàn bộ số vàng cho ông vì số vàng đó ông chạy xe ôm tích góp mua nhiều lần đem về tặng cho bà B nhân những dịp sinh nhật bà B; còn xe máy bà C đang đứng tên cũng do ông và bà B mua cho chứ bà C đi làm không có tiền vì hay bỏ việc.

- Bà Bùi Thị Tô B và bà Nguyễn Thị Nhựt C không tranh luận, chỉ yêu cầu như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Ông A kháng cáo không đồng ý việc án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông A đối với bà B về việc yêu cầu chia 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ); 01 cặp nhẫn đeo tay 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng); chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Vision biển số 62P1-361.58 và tiền công sức đóng góp là 200.000.000 đồng.

- Về số vàng: Bà B thừa nhận đang giữ chia 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ); 01 chiếc nhẫn đeo tay 5 chỉ vàng 24kr, một sợi dây chuyền 13 chỉ 18kr nhưng cho rằng đã bán khi Covid, lúc đó ông A ở thành phố nên không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bà B bán vàng bao nhiêu, tiền sử dụng vào việc gì, có phù hợp với thời gian sửa chữa nhà như bà trình bày không? Nếu phù hợp thì không chấp nhận kháng cáo này của ông A.

- Về xe chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Vision biển số 62P1-361.58. Hồ sơ thể hiện xe là của con bà B nên án sơ thẩm xử là phù hợp, ông A kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

- Về tiền công sức đóng góp là 200.000.000 đồng. Ông A không chứng minh được quá trình chung sống đã có phát sinh thêm tài sản, bà B xác định khi chung sống cùng làm chung ăn chung số tiền kiếm được đã đem sinh hoạt chung trong gia đình không có dư để mua sắm tài sản nào nên yêu cầu này của ông không được chấp nhận.

Trên đây là ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Đắc A kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn có nơi tạm trú tại thị trấn X, huyện Y, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyền số 01/2006 ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Đắc A và bà Bùi Thị Tố B là vợ chồng hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A và bà B thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên việc kháng cáo của ông A về hôn nhân là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về tài sản chung:

[2.2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A và bà B thừa nhận và thỏa thuận về tài sản chung như sau:

- Đối với số tiền sửa chữa nhà 170.000.000 đồng, bà B đồng ý trả lại cho ông A số tiền 85.000.000 đồng.

- Đối với 01 chiếc xe Future Neo biển số 62P1-303.54, ông A tiếp tục quản lý, sử dụng và có trách nhiệm trả lại cho bà B số tiền 11.250.000 đồng.

- Đối với tivi và tủ lạnh, ông A và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2.2] Đối với phần tài sản các bên không thống nhất, Hội xét xử thấy rằng:

- Đối với 01 chiếc nhẫn vàng 24kr trọng lượng 5 chỉ, ông A thừa nhận đang cất giữ và đã bán đi nhưng không chứng nhận được việc sử dụng số tiền đó vào việc phục vụ chung cho gia đình nên ông A phải có trách nhiệm trả lại cho bà B $\frac{1}{2}$ giá trị, tương đương với số tiền 12.500.000 đồng.

- Đối với chiếc xe Vision biển số biển số 62P1-361.58 hiện do bà Nguyễn Thị Nhựt C đứng tên giấy phép lấy xe và sử dụng là thuộc quyền sở hữu của bà C, ông A không có tài liệu nào chứng minh là tài sản chung của ông và Quyên.

- Đối với tiền dư bán bánh bao, ông A chỉ yêu cầu nhận $\frac{1}{4}$ công sức góp, tạm tính là 200.000.000 đồng; bà B không thừa nhận có số tiền này và ông A cũng không chứng minh được có việc buôn bán bánh bao và giữ xe có được khoản thu nhập chung với số tiền 800.000.000 đồng để yêu cầu chia 200.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu này của ông A không có cơ sở.

- Đối với 01 sợi dây chuyền 13 chỉ vàng 18kr, bà B thừa nhận có giữ và đã bán để chi tiêu trong gia đình nhưng ông A không biết và không thừa nhận. Vì vậy, xác định số vàng này không được sử dụng để chi tiêu chung cho gia đình nên bà B phải có trách nhiệm giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng 13 chỉ vàng 18kr cho ông A, tương đương với số tiền $\frac{1}{2} 13 \times 3.500.000 \text{ đồng} = 22.750.000 \text{ đồng}$ như án sơ thẩm.

- Đối với 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ); 01 chiếc nhẫn đeo tay 05 chỉ vàng 24kr, bà B thừa nhận đã giữ các tài sản này nhưng bà cho

rằng đã bán, để làm chi phí sửa chữa nhà và chi tiêu sinh hoạt khác, tổng số tiền bán các trang sức trên gần tương đương với số tiền sửa chữa nhà 170.000.000 đồng. Xét thấy, số vàng khi bà B bán và chi phí sửa chữa nhà phát sinh trong thời hôn nhân, ông A và bà B chưa ly thân nhau; đồng thời giá trị sửa chữa nhà theo định giá chỉ còn lại giá trị là 87.552.000 đồng nhưng bà B đồng ý hoàn lại cho ông A 85.000.000 đồng là đã có lợi cho ông A. Do đó, kháng cáo này của ông A cũng không có căn cứ.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của ông Nguyễn Đắc A và lời trình bày của Luật sư Chinh là không có cơ sở chấp nhận; lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông Nguyễn Đắc A đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 12, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đắc A.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 236/2022/HNGĐ-ST ngày 17-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 153, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tố B đối với ông Nguyễn Đắc A.

[1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Tố B được ly hôn với ông Nguyễn Đắc A.

[2] Về nuôi con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung:

[3.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà B đối với ông A: Ông A có trách nhiệm trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị 05 chỉ vàng 24kr cho bà B, tương đương số tiền 12.500.000 đồng.

[3.2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đắc A về chia tài sản chung khi ly hôn với bà Bùi Thị Tố B:

- Buộc bà B trả lại cho ông A số tiền sửa chữa nhà là 85.000.000 đồng.

- Buộc bà B trả lại cho ông A $\frac{1}{2}$ giá trị 13 chỉ vàng 18kr là 22.750.000 đồng.

- Ông A được quyền sở hữu 01 chiếc xe Future Neo biển số 62P1-303.54, ông A có trách nhiệm trả lại cho bà B số tiền 11.250.000 đồng.

Bà Bùi Thị Tố B và ông Nguyễn Đắc A có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu xe Future Neo biển số 62P1-303.54 theo đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông A đối với bà B về việc yêu cầu chia 02 chiếc vòng 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 5 chỉ); 01 cặp nhẫn đeo tay 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng); chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Vision biển số 62P1-361.58 và tiền công sức đóng góp là 200.000.000 đồng.

[3.4] Ông A và bà B tự thỏa thuận về 01 cái tivi và 01 cái tủ lạnh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, sau khi khấu trừ số tiền bà B phải trả cho ông A, thì bà B có trách nhiệm trả cho ông A tổng cộng số tiền là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng chẵn).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[4] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí định giá: Ông A và bà B mỗi người chịu 2.750.000 đồng, ông A đã nộp xong 5.000.000 đồng, bà B nộp xong 500.000 đồng. Buộc bà B phải trả lại cho ông A số tiền 2.250.000 đồng.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Đắc A là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Buộc bà Bùi Thị Tố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình và 6.575.000 đồng án phí chia tài sản. Bà B được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009966 ngày 29/3/2022 và 337.500 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006942 ngày 27/6/2022. Bà B phải nộp tiếp là 6.275.000 đồng.

[7] Về án phí phúc thẩm: Miễn cho ông Nguyễn Đắc A.

[8] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- UBND Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh